TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 3 · Đề số 28

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số bé nhất trong các số 624, 642, 724, 625 là:

A. 724 **B.** 642 **C.** 625 **D.** 624

Câu 2. *(0,5 điểm)* Trong số 785, chữ số 5 có giá trị là:

A. 500 **B.** 50 **C.** 785 **D.** 5

Câu 3. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: ……. : 7 = 5

A. 28 **B.** 35 **C.** 12 **D.** 38

Câu 4. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép chia 18 : 6 là:

A. 3 **B.** 4 **C.** 12 **D.** 2

Câu 5. *(0,5 điểm)* Gấp 17 lên 7 lần được:

A. 24 **B.** 119 **C.** 126 **D.** 136

Câu 6. *(0,5 điểm)* Một phần hai (1/2) của 12 cm là:

A. 10 cm **B.** 24 cm **C.** 6 cm **D.** 8 cm

Câu 7. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 8 l = ……. ml

A. 80 **B.** 8000 **C.** 800 **D.** 80000

Câu 8. *(0,5 điểm)* I là trung điểm của đoạn thẳng CD. Biết CD = 40 dm, độ dài đoạn CI là:

A. 20 dm **B.** 38 dm **C.** 80 dm **D.** 40 dm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Hình tròn bán kính 8 cm thì đường kính là 16 cm	
b) 5 m = 50 cm	
c) 1/3 của 9 là 6	
d) 4 × 3 = 14	

Câu 10. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 3 trăm, 5 chục, 0 đơn vị viết là: …….

b) Số lớn nhất trong các số 499, 393, 935, 910, 413 là: …….

c) Số bé nhất trong các số trên là: …….

d) Số liền sau của số lớn nhất ấy là: …….

Câu 11. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 6 × 4 ……. 26

b) 1 kg ……. 1001 g

c) 4 m 4 cm ……. 404 cm

d) 1/5 của 25 ……. 1/2 của 10

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 18, 24, 30, ……., ……., 48

b) 476, 481, 486, 491, ……., …….

Câu 13. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 2 m 9 dm = ……. dm

b) 7 m = ……. dm

c) 30 mm = ……. cm

d) 6 kg = ……. g

Câu 14. *(1 điểm)* Lớp 3A có 37 học sinh, mỗi bàn ngồi 4 bạn. Hỏi cần ít nhất bao nhiêu cái bàn để tất cả học sinh đều có chỗ ngồi?

a) Trả lời: Cần ít nhất ……. cái bàn

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 3 · Đề số 28

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	D	B	A	B	C	B	A

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) Đ; b) S; c) S; d) S

Câu 10.

a) 350

b) Số lớn nhất là 935

c) Số bé nhất là 393

d) 935 + 1 = 936

Câu 11.

a) 6 × 4 = 24 nên điền dấu «<»

b) 1 kg = 1000 g nên điền dấu «<»

c) 4 m 4 cm = 404 cm nên điền dấu «=»

d) 1/5 của 25 là 5; 1/2 của 10 là 5 nên điền dấu «=»

Câu 12.

a) Đếm thêm 6: 18, 24, 30, 36, 42, 48

b) Mỗi số hơn số trước 5 đơn vị: 476, 481, 486, 491, 496, 501

Câu 13.

a) 2 m 9 dm = 29 dm (vì 1 m = 10 dm)

b) 7 m = 70 dm (vì 1 m = 10 dm)

c) 30 mm = 3 cm (vì 10 mm = 1 cm)

d) 6 kg = 6000 g (vì 1 kg = 1000 g)

Câu 14.

37 : 4 = 9 (dư 1). Còn 1 bạn chưa có chỗ nên cần thêm 1 bàn: 9 + 1 = 10 (bàn).